

Thuận Châu, ngày 10 tháng 4 năm 2024

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm căn cứ xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, Địa chỉ Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Đào Thị Vi Loan; sdt: 0912743969; Email: vilolan2016@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp tại khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu.  
Địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Nhận qua email: [vilolan2016@gmail.com](mailto:vilolan2016@gmail.com)

- Nhận qua Fax:

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00' ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h00' ngày 22 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu. Địa chỉ Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian giao hàng dự kiến

Giao hàng từng đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, thời gian giao hàng dự kiến: 72 giờ và trường hợp khẩn cấp: 24 giờ.

4. Dự kiến và các điều khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo từng đợt. Chứng từ thanh toán phải đảm bảo đúng với quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác:

a. Báo giá theo danh mục phụ lục 1 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải gửi kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 mục I- Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm hoặc bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về mail của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4, mục I – Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, KHN.

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Việt Phương**

**PHỤ LỤC 2**  
**MẪU BÁO GIÁ**

(Đính kèm ~~Thư mời báo giá~~ ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu)



**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu

Trên cơ sở Thư mời báo giá ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, chúng tôi...*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã Hs	Qui cách	Năm sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã kê khai	Giá kê khai
1												
2												

*[Lưu ý: Các nhà cung ứng sẽ chào giá tới địa điểm giao hàng (có nghĩa là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan, các loại thuế liên quan phải trả nếu được trao Hợp đồng)].*

2. Báo cáo này có hiệu lực trong vòng : tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày... tháng...năm ...*[Ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1- Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., Ngày.... tháng.... năm...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất nhà  
cung cấp**

*(ký tên, đóng dấu)*

## DANH MỤC

Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn của bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu năm 2024  
( Kèm theo thư mời báo giá ngày 10/4/2024 của bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	ALBUMIN	Hóa chất chẩn đoán Albumin dùng cho máy phân tích sinh hóa. Theo nguyên lý phản ứng giữa Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương và dye bromocresol green sẽ tạo kết tủa màu. Độ hấp thụ màu của kết tủa này phụ thuộc vào nồng độ Albumin. Thành phần : - Succinate Buffer 75mmol/L - Bromocresol green 0.14g/L - Albumin standard 3g/dL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	24	
2	Bilirubin Direct-DC	Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Direct dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần: - Sulfanilic acid 28.9mmol/L - Hydrochloric 165mmol/L - Preservatives and Stabilizers - Direct bilirubin activator Sodium metavanadate 4 mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
3	Bilirubin Total	Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Total dùng cho máy phân tích sinh hóa. Hộp gồm 5x100ml Thành phần : - Sulfanilic acid 28.9mmol/L - Hydrochloric acid 165 mmol/L - Dimethyle sulfoxide 7 mmol/L - Total Bilirubin Activator Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
4	CHOLESTEROL	Hóa chất chẩn đoán Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần: - Pipes Buffer 50mmol/L - SodiumCholate 0.5mmol/L - 4-aminoantipyrine 0.5mmol/L - Cholesterol Esterase >180U/L - Cholesterol Oxidase > 200U/L - Peroxidase > 100U/L - Cholesterol standard 200mg/dL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	27	
5	Creatinine Jaffe	Hóa chất chẩn đoán creatinine dùng cho máy phân tích sinh hóa Thành phần : - Sodium hydroxide 300mmol/L - Sodium Phosphate 25mmol/L - Sufactant - Picric Acid 8.73 mmol/L - Creatinine standard 2 mg/dL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	60	

6	Glucose-GOD PAP	<p>Hóa chất chẩn đoán Glucose dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 92mmol/L</li> <li>- Glucose Oxidase 15,000U/L</li> <li>- 4- Aminophenazone 2.6mmol/L</li> <li>- Phenol 0.3 mmol/L</li> <li>- Glucose standard 100 mg/d. Hộp gồm 5x100ml</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	60	
7	GOT(ASAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGOT dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 88mmol/L</li> <li>- L-Aspartate 260mmol/L</li> <li>- LDH &gt; 1,500U/L</li> <li>- MDH &gt; 900U/L</li> <li>- a-ketoglutarate 12mmol/L</li> <li>- NADH 0.24mmol/L</li> </ul> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp gồm 4 x 125 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p>	Hộp	60	
8	GPT(ALAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGPT dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 110mmol/L</li> <li>- L-Alanine 600mmol/L</li> <li>- LDH &gt; 1,500U/L</li> <li>- alpha-ketoglutarate 16mmol/L</li> <li>- NADH 0.24mmol/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	60	
9	g-GT IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Gama GT dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 133mmol/L</li> <li>- Glycylglycine 138mmol/L</li> <li>- Glupa-c 23mmol/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	12	
10	Amylase	<p>Hóa chất chẩn đoán Amylase dùng cho máy phân tích sinh hóa.</p> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mes Buffer 50mmol/L</li> <li>- CNPG3 2.27mmol/L</li> <li>- Calcium Chloride 60mmol/L</li> <li>- Sodium Chloride 70mmol/L</li> <li>- Activator 900mmol/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	60	
11	Protein total	<p>Hóa chất chẩn đoán Total Protein dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Potassium iodide 6mmol ?L</li> <li>- Potassium sodium tartarate 21mmol/L</li> <li>- Copper Sulphate 6mmol/L</li> <li>- Sodium hydroxide 58mmol/L</li> <li>- Protein standard 60 g/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	24	



12	Triglycerides	<p>Dùng trong xét nghiệm Triglycerides</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pipes Buffer 5mmol/L</li> <li>- P- Chlorophenol 5.3mmol/L</li> <li>- Potasium ferrocynate 10mmol/L</li> <li>- Magnesium Salt 17mmol/L</li> <li>- 4-aminoantipyrine 0.9mmol/L</li> <li>- ATP 3.15mmol/L</li> <li>- Lipoprotein Lipase &gt; 1,800U/L</li> <li>- Glycerol kinase &gt; 450U/L</li> <li>- Glycerol-3-phosphate oxidase &gt; 3,500U/L</li> <li>- Peroxidase &gt; 450U/L</li> <li>- Triglycerides standard 200mg/dL</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	27	
13	Urea-UV	<p>Dùng trong xét nghiệm Urea-UV</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buffer(pH 7.55) 75mmol/L</li> <li>- ADP 0.7mmol/L</li> <li>- a-ketoglutarate 9mmol/L</li> <li>- Urease &gt; 6,500U/L</li> <li>- GLDH &gt; 1,100U/L</li> <li>- NADH 0.25mmol/L</li> <li>- 2- Oxoglutarate 5mmol/L</li> <li>- Urea standard 50mg/dL</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	80	
14	Uric Acid	<p>Dùng trong xét nghiệm Uric Acid</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phosphate Buffer 180mmol/L</li> <li>- DHBS 2mmol/L</li> <li>- Amino-4-antipyrine 0.23mmol/L</li> <li>- Uricase &gt; 60U/L</li> <li>- Peroxidase &gt; 660U/L</li> <li>- Uric Acid standard 6mg/dL</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	12	
15	CK-NAC IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Creatine kinase dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- D-Glucose♂ 125 mmol/L</li> <li>- N-Acetyl-L-cysteine 25 mmol/L</li> <li>♂- Magnesium acetate 12.5 mmol/L</li> <li>- NADP 2.4 mmol/L</li> <li>♂- EDTA♂2.0 mmol/L</li> <li>- Hexokinase♂ &gt;=6800 U/L</li> <li>- Creatine Phosphate 250 mmol/L</li> <li>- ADP♂ 15.2 mmol/L</li> <li>- AMP♂25 mmol/L</li> <li>- Diadenosine pentaphosphate 103 ♂ mmol/L</li> <li>- G-6-PDH &gt;8800 U/L</li> </ul> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	20	
16	HDL-Direct	<p>Dùng trong xét nghiệm HDL Cholesterol</p> <p>Hóa chất chẩn đoán HDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý đo cường độ màu sắc sản phẩm cuối của phản ứng ,thay đổi theo nồng độ HDL – Cholesterol tham gia vào phản ứng.</p> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- N-Ethyl-N-(3-methylphenyl)-N'succinylethyenediame(EMSE)</li> <li>- Cholesterol oxidase 2x10ml</li> <li>- 4-Aminoantipyrin 1x30ml</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	60	

NH  
 AK  
 HUY  
 AN  
 ★

17	LDL-Direct	Dùng trong xét nghiệm LDL-Direct Thành phần hoá học : - CHE, CO 1.2 U/mL - Cholesterol Esterase > 2U/mL - Cholesterol Oxidase > 1mmol/L - 4-Aminoantipyrin 0.5 mmol/L - Good's buffer pH 6.3 -N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidine - Disodium salt (DSBmT) 1.0 mmol/l -Peroxidase Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	60	
18	Calib	Dùng trong xét nghiệm Calib Hộp gồm 3ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	30	
19	Control N	Dùng trong xét nghiệm QC dải thấp Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	39	
20	Control P	Dùng trong xét nghiệm QC dải cao Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	39	
21	Nước rửa máy sinh hóa Extran	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Bảo quản thuốc thử ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	75.000	
22	Samp cup cho máy sinh hóa	Cầu tạo tròn, vật liệu nhựa cứng, trong suốt Kích thước: Đường kính 1,5cm, chiều cao 3,5cm. Tương thích và sử dụng được cho máy sinh hóa. Túi gồm 500c/túi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi	20	
23	Hóa chất xét nghiệm cồn trong máu (Ethanol)	Hóa chất để xác định định lượng alcohol trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Thành phần: RI- Enzyme wenzyme (NAD+22.4 mmol/L, ADH2 25000, TRIS đệm pH 8.65 ± 0.1 tại 25 độ C. Chức ổn định. Chất bảo quản): R2 - Chất chuẩn (Ethanol) xấp xỉ 100mg/dL (21.7 mmol/L)	Hộp	32	
24	Hóa chất calib cho xét nghiệm Ethanol	Hoá chất để kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng các chất phân tích cụ thể sau bằng cách giảm mất độ chính xác và độ tin cậy. Thích hợp cho quy trình thủ công hoặc thiết bị tự động. Thành phần: RI- NORMAL CONTROL AMMONIA, ETHANOL, CO2 (Dung dịch nước chứa amoniac, ethanol và natri bicabocain. Chất bảo quản)	Lọ	6	
25	Hóa chất chuẩn Ethanol	Hóa chất để kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng các chất phân tích cụ thể sau bằng cách giảm mất độ chính xác và độ tin cậy. Thích hợp cho quy trình thủ công hoặc thiết bị tự động Thành phần: K1- PATHOLOGICAL CONTROL AMMONIA, ETHANOL, CO2 (Dung dịch nước chứa amoniac, ethmol và natri biombonate. Chất bảo quản)	Lọ	6	
26	Cartridge đo (PH, PC02, P02), HCT	Phù hợp với máy xét nghiệm khí máu Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	1.800	
27	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/Ph	Calibration Packs (Reagent pack) dùng trong qua trình hiệu chuẩn máy khi máy phân tích được bật lên; sau khi thay thế điện cực và dùng cho quá trình kiểm tra mẫu, chạy QC và tự động hiệu chỉnh các hệ số nhằm xác định định lượng natri, kali và clo trong máu. Thành phần bao gồm: Chất chuẩn A: 350ml Chất chuẩn B: 100ml Chất chuẩn C: 130ml Dung dịch tham chiếu: 230ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 Bảo quản ở nhiệt độ thường	Hộp	30	

IN  
VIỆ  
TOA  
EN  
CHA

28	Dung dịch rửa (Daily cleaning solution)	Dung dịch rửa dùng cho máy XN điện giải, để làm sạch hàng ngày máy phân tích điện giải	Hộp	5	
29	Dung dịch QC	Dung dịch kiểm tra được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> NaO <sub>2</sub> , CaL <sub>2</sub> , C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> NO <sub>2</sub> , trong huyết thanh động vật	Hộp	10	
30	Dung dịch chuẩn	dung dịch kiểm chuẩn được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> NaO <sub>2</sub> , CaL <sub>2</sub> , C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> NO <sub>2</sub> , trong huyết thanh động vật.	Hộp	4	
31	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5	ml	500	
32	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B:	ml	500	
33	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7	ml	500	
34	Dung dịch pha loãng	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	Lít	3.600	
35	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	ml	10.000	
36	Hóa chất chuẩn máy (low, medium, high)	Hóa chất QC 3 mức sử dụng cho máy xét huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ thường bộ 3 lọ x 3ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	6	
37	Dung dịch rửa đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Lít	25	
38	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bộ gồm 4 dung dịch 100ml thuốc nhuộm thành phần: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin	Bộ	10	
39	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	- Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; + Thuốc chống vi trùng <0.1%; + Dung dịch đệm <0.3% - Đóng gói : 20 lít/Thùng	Lít	1.400	
40	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	- Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; + Muối <1.5%. - Đóng gói : 5 lít/ thùng	Thùng	60	



41	Máu chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần (thấp/ trung bình/ cao)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là chất chuẩn dùng để theo dõi hoạt động của máy phân tích huyết học</li> <li>- Đóng gói : 3x4,5ml/bộ</li> </ul>	Bộ	4	
42	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là dung dịch rửa máy hằng ngày.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự suy giảm lipid/ protein trong Sodium hypochlorite: 2.0-2.4% active chlorine;</li> <li>+ Độ ổn định Sodium hydroxide &lt;0.05%;</li> <li>+ Chất hoạt động bề mặt &lt;0.05%.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 500ml/binh.</li> </ul>	Lít	25	
<b>TỔNG CỘNG: 42 mặt hàng</b>					